

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 6**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/2010/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| Số<br>TT | Tên đường phố                                                                                               | Giá đất |       |       |       |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|-------|-------|
|          |                                                                                                             | VT1     | VT2   | VT3   | VT4   |
| I        | THÀNH PHỐ BIÊN HÒA                                                                                          |         |       |       |       |
| 1        | Nguyễn Ái Quốc (đoạn giáp tỉnh Bình Dương đến cầu Hóa An)                                                   | 5.000   | 1.600 | 1.200 | 800   |
| 2        | Nguyễn Tri Phương (từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh)                                                           | 4.000   | 1.400 | 1.100 | 800   |
| 3        | Nguyễn Văn Lung                                                                                             | 3.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
| 4        | Đặng Đại Độ                                                                                                 |         |       |       |       |
|          | - Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết đường nhựa lớn (chiều dài 630m giáp bờ sông)                      | 3.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
|          | - Đoạn còn lại tiếp giáp đến đường Đặng Văn Tron (đường Bình Kính cũ)                                       | 2.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
| 5        | Đỗ Văn Thi                                                                                                  | 3.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
| 6        | Đặng Văn Tron                                                                                               |         |       |       |       |
|          | - Đoạn từ đường Đỗ Văn Thi đến đường vào Trường Nam Hà                                                      | 3.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
|          | - Đoạn từ đường vào Trường Nam Hà đến hết đường Đặng Văn Tron                                               | 2.000   | 1.200 | 1.000 | 800   |
| 7        | Hoàng Minh Chánh                                                                                            | 4.000   | 1.400 | 1.100 | 800   |
| 8        | Nguyễn Thị Tồn                                                                                              | 4.000   | 1.400 | 1.100 | 800   |
| 9        | Bùi Hữu Nghĩa                                                                                               |         |       |       |       |
|          | - Đoạn từ đường Nguyễn Thị Tồn đến đường vào Mỏ đá BBCC (Cty TNHH 01 thành viên xây dựng & SXVLXD Biên Hòa) | 6.000   | 1.900 | 1.400 | 1,000 |
|          | - Đoạn từ đường vào Mỏ đá BBCC (Cty TNHH 01 thành viên xây dựng & SXVLXD Biên Hòa) đến cầu Rạch Sỏi         | 5.000   | 1.600 | 1.200 | 800   |
|          | - Đoạn từ cầu Rạch Sỏi đến cầu ông Tiếp                                                                     | 4.000   | 1.400 | 1.100 | 800   |
| 10       | Phạm Văn Diêu (từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến giáp ranh giới tỉnh Bình Dương)                                   | 2.500   | 1.200 | 1.000 | 800   |
|          | Xã Tam Phước, Phước Tân, An Hòa, Long Hưng                                                                  |         |       |       |       |

|    |                                                                                   |       |       |     |     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-----|-----|
| 1  | Quốc lộ 51                                                                        |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ cầu Đen đến Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp                | 4.000 | 1.000 | 720 | 480 |
|    | - Đoạn từ Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp đến giáp ranh xã Phước Tân | 2.500 | 1.000 | 720 | 480 |
|    | - Đoạn qua xã Phước Tân                                                           | 2.250 | 1.000 | 720 | 480 |
|    | - Đoạn qua xã Tam Phước đến đường vào Trường Sĩ quan Lục quân 2                   | 1.800 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ ngã ba đường vào Trường Sĩ quan Lục quân 2 đến giáp Trường Quân Khuyển  | 2.100 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ Trường Quân Khuyển đến ranh giới xã An Phước và Long Đức                | 1.500 | 680   | 510 | 340 |
| 2  | Hương lộ xã An Hòa (đoạn qua xã An Hòa)                                           | 2.400 | 860   | 650 | 430 |
| 3  | Hương lộ 2                                                                        |       |       |     |     |
| 4  | - Đoạn từ cầu Sắt đến cầu cây Ngã                                                 | 500   | 280   | 210 | 140 |
|    | - Đoạn từ cầu cây Ngã đến cầu Vấp                                                 | 450   | 270   | 200 | 140 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                    | 400   | 270   | 200 | 140 |
| 5  | Đường Tân Cang                                                                    |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ Quốc lộ 51 đến chùa Viên Thông                                          | 1.500 | 850   | 640 | 430 |
|    | - Đoạn từ chùa Viên Thông đến ngã ba Tân Cang                                     | 1.000 | 520   | 390 | 260 |
|    | - Đoạn từ ngã ba Tân Cang đi Phú Sơn và từ Trường Tiểu học Tân Cang đi Giang Điền | 750   | 450   | 340 | 230 |
| 6  | Đường từ ngã ba Thái Lan vào Trường Sĩ quan Lục quân 2                            |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 51 vào đến giáp Trường CD Tài nguyên và Môi trường                   | 1.700 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ Trường CD Tài nguyên và Môi trường đến Nhà thờ Long Đức 1               | 1.700 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ nhà thờ đến cách ngã ba Dân Chủ 500 mét                                 | 1.700 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ cách ngã ba Dân Chủ 500 mét đến chợ Long Đức 1 (hết đường nhựa)         | 3.200 | 720   | 540 | 360 |
|    | - Đoạn từ ngã ba Dân Chủ đến Trường Sĩ quan Lục quân 2                            | 1.700 | 720   | 540 | 360 |
| 7  | Hương lộ 21 (đoạn qua xã Tam Phước)                                               | 850   | 480   | 360 | 240 |
| II | HUYỆN TÂN PHÚ                                                                     |       |       |     |     |
| 1  | Quốc lộ 20                                                                        |       |       |     |     |
|    | Đoạn từ Km 127+500 đến Km 129+300                                                 | 600   | 190   | 140 | 100 |
|    | Đoạn từ Km 129+300 đến Km129+800                                                  | 700   | 200   | 150 | 100 |
|    | Đoạn từ Km 129+800 đến Km 131+100                                                 | 600   | 190   | 140 | 100 |
|    | Đoạn từ Km 131+100 đến Km 131+600                                                 | 1.650 | 220   | 170 | 110 |
|    | Đoạn từ Km131+600 đến Km 132+300                                                  | 2.000 | 240   | 180 | 120 |
|    | Đoạn từ Km 132+300 đến Km 132+600                                                 | 3.500 | 280   | 210 | 140 |

|   |                                                                                 |       |     |     |     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|   | Đoạn từ Km 132+600 đến Km 132+800                                               | 2.800 | 280 | 210 | 140 |
|   | Đoạn từ Km 132+800 đến Km 134                                                   | 900   | 240 | 180 | 120 |
|   | Đoạn từ Km 134 đến Km 134+500                                                   | 650   | 220 | 160 | 110 |
|   | Đoạn từ Km 134 đến Km 135                                                       | 650   | 220 | 160 | 110 |
|   | Đoạn từ Km 135 đến Km 136                                                       | 400   | 190 | 140 | 100 |
|   | Đoạn từ Km 136 đến Km 137+700                                                   | 450   | 200 | 150 | 100 |
|   | Đoạn từ Km 137+700 đến Km 138                                                   | 550   | 200 | 150 | 100 |
|   | Đoạn từ Km 138 đến Km 138+300                                                   | 850   | 200 | 150 | 100 |
|   | Đoạn từ Km 138+300 đến Km 139+500                                               | 400   | 180 | 130 | 90  |
|   | Đoạn từ Km 139+500 đến Km 140+900                                               | 500   | 180 | 130 | 90  |
|   | Đoạn từ Km 140+900 đến Km 142+200                                               | 900   | 200 | 140 | 90  |
| 2 | Đường Phù Đổng (xã Phú Lâm)                                                     |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ Km 0 đến Km 0+500                                                       | 1.000 | 240 | 180 | 120 |
|   | Đoạn từ Km 0+500 đến Km 800                                                     | 500   | 160 | 120 | 80  |
|   | Đoạn còn lại                                                                    | 300   | 140 | 110 | 70  |
| 3 | Đường 5 tấn (xã Phú Lâm)                                                        |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ Km 0 đến Km 0+500                                                       | 500   | 180 | 140 | 90  |
|   | Đoạn từ Km 0+500 đến Km 1                                                       | 250   | 160 | 100 | 70  |
|   | Đoạn còn lại                                                                    | 200   | 140 | 100 | 70  |
| 4 | Đường Phú Lâm - Thanh Sơn                                                       |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ Km 0 đến Km 0+50                                                        | 400   | 160 | 120 | 80  |
|   | Đoạn từ Km 0+50 đến Km 0+100                                                    | 300   | 140 | 110 | 70  |
|   | Đoạn từ đường dây điện 500 KV đến bến đò Đa Tôn (xã Thanh Sơn)                  | 250   | 130 | 100 | 70  |
| 5 | Đường 30/4                                                                      |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ Km 0 đến Km 0+500                                                       | 300   | 140 | 110 | 70  |
|   | Đoạn từ Km 0+500 đến Km 2                                                       | 250   | 130 | 100 | 70  |
|   | Đoạn còn lại                                                                    | 200   | 130 | 100 | 60  |
| 6 | Đường Tà Lài                                                                    |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ ranh thị trấn Tân Phú đến Km 5+500                                      | 200   | 130 | 100 | 60  |
|   | Đoạn từ Km 5+500 đến Km 6+500 (trung tâm xã Phú Lộc)                            | 300   | 140 | 110 | 70  |
|   | Đoạn từ Km 6+500 đến Km 12+500                                                  | 200   | 130 | 100 | 60  |
|   | Đoạn từ Km 12+500 đến Km 13+500 (trung tâm chợ Phú Lập)                         | 400   | 160 | 120 | 80  |
|   | Đoạn từ Km 13+500 đến Km 13+900 (xã Phú Lập)                                    | 300   | 160 | 120 | 80  |
|   | Đoạn còn lại (xã Tà Lài)                                                        | 250   | 150 | 110 | 70  |
| 7 | Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên                                                   |       |     |     |     |
|   | Đoạn thuộc xã Nam Cát Tiên (từ Km 10+500 đến Km 11, trung tâm chợ Nam Cát Tiên) | 250   | 140 | 110 | 70  |

|    |                                                                                                                                          |     |     |     |     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|    | Đoạn thuộc xã Núi Tượng (từ ngã ba Núi Tượng - Nam Cát Tiên đi về các hướng: Xã Phú Xuân 200m; xã Núi Tượng 500m; xã Nam Cát Tiên 1500m) | 250 | 140 | 110 | 70  |
| 8  | Đường 600A                                                                                                                               |     |     |     |     |
|    | Đoạn từ Km 0+500 (ngã ba tiếp giáp với Quốc lộ 20)                                                                                       | 200 | 130 | 100 | 60  |
|    | Đoạn từ Km 16+500 đến Km 17+500 (gần ngã 3 chợ Nam Cát Tiên)                                                                             | 200 | 130 | 100 | 60  |
| 9  | Đường Trà Cỏ (xã Trà Cỏ)                                                                                                                 |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Km 0+500 đến Km 1+500                                                                                                          | 250 | 130 | 100 | 70  |
|    | - Đoạn từ Km 1+500 đến Km 3+500                                                                                                          | 300 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn từ Km 3+500 đến Km 4+500                                                                                                          | 200 | 110 | 80  | 60  |
| 10 | Đường Trà Cỏ (xã Phú Điền)                                                                                                               |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Km 4+500 đến Km 7                                                                                                              | 160 | 110 | 80  | 50  |
|    | - Đoạn từ Km 7 đến UBND xã Phú Điền                                                                                                      | 300 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn còn lại                                                                                                                           | 160 | 110 | 80  | 50  |
| 11 | Đường Đắc Lua đoạn từ bến phà vô hướng UBND xã (cũ) 1.500m                                                                               | 200 | 130 | 100 | 60  |
| 12 | Đường Phú Lộc - Phú Xuân (nối đường Tà Lài đến giáp xã Phú Xuân)                                                                         | 140 | 110 | 70  | 40  |
| 13 | Đường chợ Phú Lộc đi bến đò                                                                                                              | 140 | 110 | 70  | 40  |
| 14 | Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân, huyện Định Quán                                                                                         | 140 | 110 | 70  | 40  |
| 15 | Đường Phú Thạch 1                                                                                                                        | 220 | 160 | 120 | 100 |
| 16 | Đường Phú Yên                                                                                                                            | 220 | 160 | 120 | 100 |
| 17 | Đường Phú Thắng 1                                                                                                                        | 190 | 140 | 120 | 100 |
| 18 | Đường Phú Lợi                                                                                                                            | 200 | 150 | 120 | 100 |
| 19 | Đường Phú Thắng 2                                                                                                                        | 200 | 150 | 120 | 100 |
| 20 | Đường Phú Ngọc                                                                                                                           | 200 | 150 | 120 | 100 |
| 21 | Đường Km 138                                                                                                                             | 200 | 150 | 100 | 60  |
| 22 | Đường số 4                                                                                                                               | 200 | 150 | 100 | 60  |
| 23 | Đường ấp 2 - 3 (ngã 3 Phú Lập đi Núi Tượng)                                                                                              | 250 | 200 | 120 | 80  |
| 24 | Đường 129                                                                                                                                | 100 | 80  | 60  | 50  |
| 25 | Đường Bàu Rừng                                                                                                                           | 80  | 70  | 60  | 50  |
| 26 | Đường Đồng Dâu                                                                                                                           | 500 | 470 | 430 | 400 |
| 27 | Đường Cầu Suối                                                                                                                           | 100 | 80  | 60  | 40  |
| 28 | Đường Phú Thanh - Trà Cỏ                                                                                                                 | 200 | 180 | 160 | 140 |
| 29 | Đường số 7 Ngọc Lâm                                                                                                                      | 190 | 140 | 120 | 100 |
| 30 | Đường Km 128                                                                                                                             | 140 | 120 | 100 | 80  |
| 31 | Đường số 5 Ngọc Lâm                                                                                                                      | 140 | 120 | 60  | 40  |
| 32 | Đường Bàu Dài 2                                                                                                                          | 60  | 50  | 40  | 30  |
| 33 | Đường Thọ Lâm 3                                                                                                                          | 100 | 80  | 60  | 40  |

|     |                                                                 |       |     |     |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
| 34  | Đường số 3 Thọ Lâm                                              | 120   | 100 | 80  | 60  |
| 35  | Đường số 2 Thọ Lâm                                              | 500   | 250 | 120 | 80  |
| 36  | Đường số 1 Thọ Lâm                                              | 240   | 200 | 100 | 60  |
| 37  | Đường Thanh Thọ                                                 | 240   | 200 | 150 | 60  |
| 38  | Đường Suối Cọp                                                  | 80    | 60  | 50  | 40  |
| 39  | Đường Giang Điền                                                | 60    | 50  | 40  | 30  |
| 40  | Đường số 2 Ngọc Lâm                                             | 190   | 150 | 60  | 40  |
| 41  | Đường số 1 Ngọc Lâm                                             | 200   | 160 | 60  | 40  |
| 42  | Đường Cát Kiếng                                                 | 200   | 180 | 160 | 140 |
| 43  | Đường Km 130                                                    | 160   | 140 | 120 | 100 |
| III | HUYỆN ĐỊNH QUÁN                                                 |       |     |     |     |
| 1   | Quốc lộ 20                                                      |       |     |     |     |
|     | - Đoạn từ Km 86 - Km 88 (đoạn qua chợ Phú Cường)                | 600   | 190 | 140 | 100 |
|     | + Trong đó: Đoạn từ tìm chợ ra 02 bên 200m                      | 1.200 | 240 | 170 | 110 |
|     | - Đoạn từ Km 88 đến giáp Trường PTTH Điều Cải                   | 1.200 | 240 | 170 | 110 |
|     | - Đoạn từ Trường PTTH Điều Cải - ngã 3 cây xăng                 | 1.500 | 240 | 170 | 110 |
|     | + Trong đó: Đoạn qua chợ Phú Túc cách tìm chợ mỗi bên 200m      | 2.000 | 260 | 190 | 110 |
|     | - Đoạn từ ngã 3 cây xăng đến Km91                               | 500   | 200 | 150 | 100 |
|     | - Đoạn từ Km 91 - Km 96                                         | 300   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ Km 96 - Km 97+500                                     | 320   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ Km 97+500 - Km 99 (Trường Lê Quý Đôn)                 | 350   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ Km 99 - cầu La Ngà                                    | 500   | 200 | 140 | 100 |
|     | + Trong đó: Đoạn từ tìm chợ ra mỗi bên 200m                     | 900   | 220 | 160 | 110 |
|     | + Đoạn qua trụ sở UBND xã mỗi bên 100m                          | 750   | 210 | 160 | 110 |
|     | - Đoạn từ cầu La Ngà - nghĩa trang liệt sỹ                      | 650   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ - Km 108+300 (nghĩa địa Phú Ngọc) | 600   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ Km 108+300 - ngã 3 Thanh Tùng                         | 350   | 190 | 140 | 100 |
|     | - Đoạn từ Bưu điện Định Quán đến ngã 3 đi Phú Hòa               | 3.000 | 360 | 270 | 110 |
|     | - Đoạn từ ngã 3 đi Phú Hòa đến Cây xăng 116                     | 1.200 | 220 | 170 | 110 |
|     | - Đoạn từ Cây xăng 116 đến giáp huyện Tân Phú                   | 600   | 200 | 150 | 100 |
| 2   | Đường Bến Nôm (xã Phú Cường)                                    |       |     |     |     |
|     | - Đoạn từ QL 20 vào 700m                                        | 250   | 140 | 110 | 70  |
|     | - Đoạn còn lại                                                  | 200   | 130 | 100 | 70  |
| 3   | Tỉnh lộ 763 đoạn qua xã Phú Túc, Suối Nho                       |       |     |     |     |
|     | - Đoạn từ Cây xăng Phú Túc vào 1.300m                           | 400   | 160 | 120 | 70  |
|     | - Đoạn từ sau 1.300m đến cầu Tam Bung                           | 250   | 140 | 110 | 70  |

|    |                                                              |     |     |     |     |
|----|--------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|    | - Đoạn còn lại đến giáp ranh giới xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc | 300 | 160 | 110 | 70  |
|    | + Trong đó: Đoạn qua chợ Suối Nho, cách tìm chợ mỗi bên 200m | 550 | 180 | 120 | 70  |
| 4  | Đường 101 (xã La Ngà, Túc Trưng, Suối Nho)                   |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào 1000m                                    | 300 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn còn lại (đến ngã 3 đường 101 và đường NaGoa)          | 200 | 130 | 100 | 60  |
| 5  | Đường 101 (xã La Ngà)                                        |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 - đường WB2                                  | 300 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn còn lại                                               | 200 | 130 | 100 | 60  |
| 6  | Đường 104 (xã Phú Ngọc)                                      |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 đến hết Trường TH Phú Ngọc B                 | 250 | 130 | 100 | 70  |
|    | - Đoạn còn lại đến hết dốc Lê Thê (Bắc lộ 20)                | 230 | 130 | 100 | 60  |
|    | - Đoạn từ QL 20 đến ao cá Huyện ủy (Nam lộ 20)               | 250 | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ ao cá Huyện ủy đến cầu RAP                         | 220 | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn còn lại                                               | 190 | 120 | 90  | 60  |
| 7  | Đường 105                                                    |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 đến Cống số 1                                | 250 | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn còn lại                                               | 190 | 110 | 90  | 60  |
| 8  | Đường 107 (xã Ngọc Định)                                     |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 (ngã 3 107) vào 100m                         | 300 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn từ Km 107 + 100 đến giáp Nhà thờ Ngọc Thanh           | 200 | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ Nhà thờ Ngọc Thanh - Bến phà 107                   | 250 | 140 | 110 | 70  |
| 9  | Đường Thanh Sơn (đường nhựa)                                 |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ ngã ba Bến phà - ngã ba Lô Năm (xã Thanh Sơn)      | 250 | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn từ ngã ba Lô Năm đến ngã ba đường mới                 | 180 | 110 | 80  | 50  |
|    | - Đoạn từ ngã ba đường mới đến hết đường nhựa                | 100 | 80  | 60  | 50  |
|    | - Đoạn từ Bến phà đến cầu Thiết kế                           | 220 | 140 | 80  | 60  |
|    | - Đoạn từ cầu Thiết kế đến ngã ba Cây sao                    | 160 | 110 | 80  | 60  |
|    | - Đoạn từ ngã ba Cây sao đến hết đường nhựa                  | 120 | 100 | 80  | 60  |
| 10 | Đường Làng Thượng (xã Gia Canh)                              | 200 | 120 | 90  | 60  |
| 11 | Đường Cầu Trắng (đoạn thuộc xã Ngọc Định)                    | 200 | 120 | 90  | 60  |
| 12 | Đường Thú y (xã Phú Vinh)                                    | 200 | 120 | 90  | 60  |
| 13 | Đường ngã 4 Km 115 (thuộc xã Phú Lợi và Phú Vinh)            |     |     |     |     |
|    | Phía qua chợ Phú Lợi                                         |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào đến hết nhà lồng chợ                     | 750 | 210 | 160 | 110 |
|    | - Đoạn còn lại                                               | 300 | 140 | 110 | 70  |

|    |                                                                        |       |     |     |     |
|----|------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | Phía qua chợ Phú Vinh                                                  |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào đến hết Trường Nguyễn Huệ                          | 800   | 210 | 160 | 110 |
|    | - Đoạn từ Trường Nguyễn Huệ - ngã 3 ấp 4                               | 400   | 150 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn từ ngã 3 ấp 4 vào 1000m                                         | 250   | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn còn lại                                                         | 200   | 120 | 90  | 60  |
| 14 | Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa (thuộc xã Phú Lợi và Phú Hòa)           |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 đến ngã 3 đường liên ấp 3 và ấp 5                      | 300   | 140 | 110 | 70  |
|    | - Đoạn từ ngã ba đường liên ấp 3 và 5 đến ranh xã Phú Lợi              | 250   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ ranh xã Phú Lợi đến cách UBND xã Phú Hòa 500m                | 230   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ cách UBND xã Phú Hòa 500m đến ngã ba cây xăng                | 250   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ ngã ba cây xăng đến ngã ba Cao Cang (mặt tiền đường nhựa)    | 300   | 120 | 90  | 60  |
| 15 | Đường 118 (xã Phú Vinh)                                                |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào 500m                                               | 220   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường WB                                    | 200   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ ngã ba đường WB đến cầu suối Sơn                             | 220   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn còn lại                                                         | 180   | 100 | 80  | 50  |
| 16 | Đường 120 (xã Phú Tân)                                                 |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào hết UBND xã                                        | 220   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn từ hết UBND xã đến trung tâm cụm xã                             | 200   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn còn lại                                                         | 180   | 120 | 90  | 60  |
| 17 | Đường Cầu Ván                                                          |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL20 đến đại lý Bưu điện ấp Tân Lập                          | 300   | 120 | 90  | 60  |
|    | - Đoạn còn lại                                                         | 200   | 120 | 90  | 60  |
| 18 | Đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán                             |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ đường 13 tới cổng Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Phú            | 1.000 | 190 | 140 | 100 |
|    | - Đoạn từ cổng Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Phú đến Cây xăng Gia Canh | 600   | 190 | 140 | 100 |
|    | - Đoạn từ Cây xăng Gia Canh đến Trường Trần Quốc Tuấn                  | 450   | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn còn lại                                                         | 250   | 120 | 90  | 60  |
| 19 | Đường 13 (thuộc xã Gia Canh)                                           |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ đường Gia Canh vào 500m                                        | 400   | 140 | 100 | 80  |
|    | Đoạn từ 500m đến hết đường nhựa                                        | 140   | 100 | 80  | 60  |
|    | Đoạn từ cuối đường nhựa đến dốc Yên Định                               | 100   | 80  | 60  | 40  |
| IV | HUYỆN XUÂN LỘC                                                         |       |     |     |     |



|   |                                                                     |       |     |     |     |
|---|---------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
| 1 | Đường Quốc lộ 1A                                                    |       |     |     |     |
|   | Xã Xuân Định                                                        |       |     |     |     |
|   | - Đoạn trung tâm ngã ba (phạm vi 300m)                              | 1.000 | 240 | 180 | 120 |
|   | - Các đoạn còn lại thuộc xã Xuân Định                               | 700   | 220 | 170 | 110 |
|   | Xã Bảo Hòa                                                          |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Định đến giáp Giáo xứ Xuân Bình         | 700   | 220 | 170 | 110 |
|   | - Đoạn từ giáo xứ Xuân Bình qua trung tâm xã Bảo Hòa (300m)         | 1.000 | 240 | 180 | 120 |
|   | - Đoạn tiếp theo tới giáp ranh xã Xuân Phú                          | 700   | 220 | 170 | 110 |
|   | Xã Xuân Phú                                                         |       |     |     |     |
|   | - Khu vực chợ Bình Hòa hướng đi Long Khánh 400m, hướng ông Đồn 200m | 700   | 260 | 200 | 130 |
|   | - Các đoạn còn lại                                                  | 600   | 230 | 170 | 120 |
|   | Xã Suối Cát                                                         |       |     |     |     |
|   | - Khu vực ngã ba Suối Cát B20 (phạm vi 200m)                        | 1.500 | 300 | 180 | 120 |
|   | - Khu vực ngã ba Bảo Chánh (phạm vi 200m)                           | 1.000 | 250 | 170 | 110 |
|   | - Các đoạn còn lại                                                  | 950   | 230 | 170 | 110 |
|   | Xã Xuân Hiệp                                                        |       |     |     |     |
|   | - Khu trung tâm ngã ba bưu điện (phạm vi 200m)                      | 1.200 | 350 | 200 | 130 |
|   | - Các khu vực còn lại                                               | 900   | 300 | 180 | 120 |
|   | Xã Xuân Tâm                                                         |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ Km 1784 đến Km 1786                                       | 500   | 160 | 120 | 80  |
|   | - Đoạn từ Km 1786 đến cầu Trắng                                     | 600   | 190 | 140 | 100 |
|   | - Đoạn từ cầu Trắng đến Km 1788+800m                                | 900   | 220 | 160 | 110 |
|   | - Đoạn từ Km 1788+800m đến Km 1790+700m                             | 500   | 200 | 150 | 100 |
|   | - Đoạn từ Km 1790+700m đến giáp thị trấn Gia Ray                    | 700   | 220 | 170 | 110 |
|   | Xã Xuân Hưng                                                        |       |     |     |     |
|   | - Từ Km 1784-1782 (hướng đi TPHCM)                                  | 500   | 180 | 140 | 90  |
|   | - Từ Km 1782-1780 (hướng đi TPHCM)                                  | 600   | 190 | 140 | 100 |
|   | - Từ Km 1780-1779 (hướng đi TPHCM)                                  | 800   | 190 | 140 | 100 |
|   | - Từ Km 1779-1778 (hướng đi TPHCM)                                  | 650   | 190 | 140 | 100 |
|   | - Từ Km 1778-1777 (hướng đi TPHCM)                                  | 400   | 180 | 130 | 90  |
|   | Xã Xuân Hòa                                                         |       |     |     |     |
|   | - Từ giáp giáp xã Xuân Hưng đến Km 1773                             | 400   | 180 | 130 | 90  |
|   | - Từ Km 1773-1772                                                   | 600   | 190 | 140 | 100 |
|   | - Từ Km 1772-1771                                                   | 400   | 180 | 130 | 90  |
| 2 | Tỉnh lộ 766                                                         |       |     |     |     |
|   | Đoạn qua xã Xuân Trường                                             |       |     |     |     |
|   | - Từ cầu Phước Hưng ngã ba đi Suối Cao                              | 700   | 170 | 130 | 80  |



|   |                                                                 |       |     |     |     |
|---|-----------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|   | - Từ ngã ba Suối Cao hướng Xuân Thành 300m                      | 350   | 170 | 130 | 90  |
|   | - Các đoạn còn lại                                              | 300   | 150 | 110 | 80  |
|   | Đoạn qua xã Xuân Thành                                          | 300   | 150 | 110 | 80  |
| 3 | Tỉnh lộ 765                                                     |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ Quốc lộ 1 vào 300m                                    | 1.200 | 240 | 180 | 120 |
|   | - Đoạn từ cách Quốc lộ 1 trên 300m đến 400m                     | 900   | 220 | 160 | 110 |
|   | - Đoạn từ cách Quốc lộ 1 trên 400m đến 600m                     | 700   | 220 | 170 | 110 |
|   | - Đoạn từ cách Quốc lộ 1 trên 600m đến 1.000m                   | 600   | 220 | 160 | 110 |
|   | - Đoạn còn lại qua xã Suối Cát                                  | 300   | 150 | 110 | 80  |
|   | - Đoạn qua xã Xuân Hiệp                                         | 300   | 150 | 110 | 80  |
|   | - Đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh (phạm vi 200m)             | 700   | 260 | 200 | 130 |
|   | - Các đoạn còn lại thuộc xã Lang Minh                           | 300   | 150 | 110 | 80  |
| 4 | Tỉnh lộ 763                                                     |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ Quốc lộ 1 vào 300m                                    | 550   | 160 | 120 | 80  |
|   | - Đoạn qua xã Suối Cát (trừ khu vực ngã ba)                     | 350   | 150 | 100 | 80  |
|   | - Đoạn qua xã Xuân Thọ                                          |       |     |     |     |
|   | + Khu vực trung tâm xã (phạm vi 200m)                           | 550   | 200 | 150 | 100 |
|   | + Các đoạn còn lại xã Xuân Thọ                                  | 300   | 150 | 110 | 80  |
|   | - Đoạn qua xã Xuân Bắc                                          |       |     |     |     |
|   | + Đoạn trung tâm xã về 2 hướng                                  | 350   | 170 | 130 | 90  |
|   | + Đoạn từ Km 16 đến Km 19                                       | 350   | 170 | 130 | 90  |
|   | + Đoạn từ Km 19 đến Km 19,7 (giáp ranh huyện Định Quán)         | 650   | 220 | 160 | 110 |
|   | - Các đoạn còn lại                                              | 300   | 150 | 110 | 80  |
| 5 | Đường Xuân Định - Xuân Bảo                                      |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ ngã ba Xuân Định qua chợ Bảo Định cách ngã ba 200m    | 900   | 220 | 160 | 110 |
|   | - Đoạn từ cách ngã ba Xuân Định 200m đến nghĩa địa              | 450   | 160 | 120 | 80  |
|   | - Đường từ nghĩa địa đến giáp ranh xã Xuân Bảo                  | 300   | 150 | 110 | 80  |
| 6 | Đường Bình Tiến - Xuân Phú - Xuân Tây                           |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ giáp Quốc lộ 1A đến giáp nghĩa địa ấp Bình Tân        | 300   | 150 | 110 | 80  |
|   | - Đoạn từ nghĩa địa ấp Bình Tân đến ngã ba Trung tâm Cai nghiệm | 200   | 130 | 100 | 80  |
|   | - Đoạn còn lại                                                  | 250   | 140 | 110 | 80  |
| 7 | Đường rẽ vào Cọ Dầu ấp 3 Xuân Hưng dài 01 km                    |       |     |     |     |
|   | - Từ Quốc lộ 1 vào 300m                                         | 350   | 150 | 110 | 80  |
|   | - Đoạn còn lại                                                  | 300   | 150 | 110 | 80  |

|    |                                                                                                                           |     |     |     |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
| 8  | Đường Xuân Trường - Bảo Vinh (Long Khánh)                                                                                 |     |     |     |     |
|    | - Trung tâm chợ Thọ Lộc phạm vi 200m                                                                                      | 500 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn ngã tư Bảo Chánh phạm vi 200m                                                                                      | 500 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Các đoạn còn lại                                                                                                        | 300 | 160 | 120 | 80  |
| 9  | Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo                                                                                               |     |     |     |     |
|    | - Đoạn đầu 100m                                                                                                           | 450 | 150 | 110 | 80  |
|    | - Đoạn đầu 400m tiếp theo                                                                                                 | 350 | 150 | 110 | 80  |
|    | - Đoạn tiếp theo đến qua Nhà máy Cồn 200m                                                                                 | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 10 | Đường Xuân Tâm - Xuân Đông                                                                                                |     |     |     |     |
|    | - Đoạn đầu 100m                                                                                                           | 400 | 210 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Xuân Đông                                                                               | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 11 | Đường Xuân Trường - Suối Cao                                                                                              |     |     |     |     |
|    | - Đoạn trung tâm xã phạm vi 250m                                                                                          | 300 | 150 | 110 | 80  |
|    | - Đoạn còn lại                                                                                                            | 200 | 150 | 110 | 80  |
| 12 | Đường Gia Ty - Suối Cao                                                                                                   | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 13 | Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su                                                                                     | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 14 | Đường Lang Minh - Suối Đá (xã Lang Minh)                                                                                  | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 15 | Đường Lang Minh - Xuân Tâm (xã Lang Minh)                                                                                 | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 16 | Đường ngã ba Cây xăng Trung Tín - ngã ba Nông trường Thọ Vực - ngã ba chế biến                                            | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 17 | Đường vào thác Trời                                                                                                       | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 18 | Đường Tà Lú từ Quốc lộ 1A vào 03 km                                                                                       | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 19 | Đường Thọ Bình đi Thọ Phước                                                                                               | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 20 | Đường Thọ Trung đi Bảo Quang                                                                                              | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 21 | Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân                                                                                                | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 22 | Đường chiến thắng Long Khánh                                                                                              | 400 | 200 | 110 | 80  |
| 23 | Đường Xuân Tân - Xuân Định                                                                                                | 500 | 160 | 120 | 80  |
| 24 | Đường Suối Rết B                                                                                                          | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 25 | Đường Sóc Ba Buông                                                                                                        | 300 | 150 | 110 | 80  |
| 26 | Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc                                                                                    |     |     |     |     |
|    | - Đoạn ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao (phạm vi 250m) thuộc xã Suối Cao | 300 | 150 | 110 | 80  |
|    | - Các đoạn còn lại                                                                                                        | 200 | 150 | 110 | 80  |
| V  | HUYỆN CẨM MỸ                                                                                                              |     |     |     |     |
| 1  | Quốc lộ 56                                                                                                                |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ giáp ranh xã Hàng Gòn, Long Khánh đến đường vào Xí nghiệp Khai thác Đá                                          | 700 | 310 | 210 | 130 |
|    | - Đoạn từ đường vào Xí nghiệp Khai thác Đá đến đường vào Nghĩa trang Campuchia                                            | 500 | 240 | 180 | 130 |

|   |                                                                                                    |       |     |     |     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|   | - Đoạn từ đường vào Nghĩa trang Campuchia đến ngã ba đi xã Xuân Đường                              | 1.000 | 360 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã ba đi xã Xuân Đường đến đầu dốc ấp Hoàn Quân                                         | 500   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ đầu dốc ấp Hoàn Quân đến giáp ranh xã Xuân Mỹ                                            | 500   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Mỹ đến giáp huyện Châu Đức                                             | 600   | 260 | 180 | 130 |
| 2 | Tỉnh lộ 764                                                                                        |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ ngã ba xã Xuân Mỹ đến cuối Cây xăng Xuân Mỹ                                              | 700   | 310 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ cuối Cây xăng Xuân Mỹ đến ngã tư EC                                                      | 350   | 200 | 170 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã tư EC đến ngã ba Nông trường 1 (+100)                                                | 600   | 260 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã ba Nông trường 1+100m đến ngã tư Sông Ray (-500m)                                    | 500   | 280 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã tư Sông Ray (-500m) đến cuối Cây xăng Nông trường Sông Ray                           | 1.000 | 360 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ cuối Cây xăng Nông trường Sông Ray đến ngã ba ấp 10 Sông Ray                             | 600   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã ba ấp 10 Sông Ray đến giáp huyện Xuyên Mộc                                           | 450   | 220 | 180 | 120 |
| 3 | Tỉnh lộ 765                                                                                        |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ giáp xã Lang Minh đến Trạm xăng dầu Đồng Nai                                             | 500   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)                     | 600   | 220 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ cầu Suối Sách đến cầu Suối Lức                                                           | 450   | 220 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ cầu Suối Lức đến giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu                                         | 600   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến ngã tư Sông Ray (+500m)                                   | 1.000 | 360 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã tư Sông Ray (+500m) đến cầu Suối Thề                                                 | 600   | 240 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ cầu Suối Thề đến ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (-200m)                              | 400   | 210 | 170 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (-200m) đến ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (+300) | 500   | 220 | 180 | 130 |
|   | - Đoạn từ ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (+300m) đến cầu Gia Hoét                              | 350   | 200 | 150 | 100 |
| 4 | Hương lộ 10                                                                                        |       |     |     |     |
|   | - Đoạn từ ngã ba đường vào xã Xuân Đường đến ngã ba vào ấp 1 xã Xuân Đường                         | 450   | 220 | 160 | 110 |

|    |                                                                                   |     |     |     |     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|    | - Đoạn từ ngã ba đường vào ấp 1 xã Xuân Đường đến xã Cẩm Đường (huyện Long Thành) | 350 | 200 | 150 | 100 |
| 5  | Đường Xuân Định - Lâm San (đường Xuân Bảo đi Tỉnh lộ 764)                         |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ cầu Suối Hai đến cầu hồ Suối Vọng xã Xuân Bảo                           | 450 | 220 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn từ cầu hồ Suối Vọng đến ngã ba ấp Lò Than xã Bảo Bình                      | 550 | 220 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn từ ngã 3 ấp Lò Than đến Cầu 4                                              | 700 | 250 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn từ Cầu 4 đến hết xã Bảo Bình                                               | 450 | 220 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn từ ranh xã Bảo Bình đến hết hồ Suối Ran                                    | 300 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ hồ Suối Ran đến ngã tư đường 764                                        | 450 | 220 | 160 | 100 |
|    | - Đoạn từ ngã tư 764 đến Trường Nguyễn Hữu Cảnh xã Lâm San                        | 300 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ Trường Nguyễn Hữu Cảnh đến TL 765                                       | 500 | 220 | 160 | 100 |
| 6  | Đường Sông Nhạn - Dầu Giây                                                        |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Suối Sâu đến trụ sở UBND xã Sông Nhạn                                   | 350 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ trụ sở UBND xã Sông Nhạn đến giáp ranh huyện Thống Nhất                 | 300 | 200 | 150 | 100 |
| 7  | Đường Xuân Đông - Xuân Tâm                                                        |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Tỉnh lộ 765 (+200m)                                                     | 450 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ Tỉnh lộ 765 (+200m) đến Trường Tiểu học Trần Phú                        | 350 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáo xứ Xuân Đông                          | 300 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ Giáo xứ Xuân Đông đến giáp ranh xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc             | 300 | 200 | 150 | 100 |
| 8  | Đường Xuân Phú - Xuân Tây (đoạn thuộc xã Xuân Tây)                                | 300 | 200 | 150 | 100 |
| 9  | Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn                                                      |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 56 đến hết xã Nhân Nghĩa                                             | 350 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ ranh xã Nhân Nghĩa đến trụ sở UBND xã Xuân Quế                          | 300 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ trụ sở UBND xã Xuân Quế đến đường số 4 ấp 2                             | 450 | 220 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                    | 300 | 200 | 150 | 100 |
| 10 | Đường Xuân Đông - Xuân Tây                                                        |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Tỉnh lộ 765 (+ 2000m)                                                   | 350 | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                    | 300 | 200 | 150 | 100 |
| 11 | Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông                                                      |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Tỉnh lộ 765 đến cầu Xuân Tây                                            | 450 | 220 | 150 | 100 |

|    |                                                                                           |       |     |     |     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | - Đoạn từ cầu Xuân Tây đến đường Xuân Định - Lâm San (-300m)                              | 300   | 200 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ đường Xuân Định - Lâm San (-300m) đến Trường Nguyễn Du xã Xuân Bảo (+300m).,    | 450   | 220 | 150 | 100 |
|    | - Đoạn từ trường Nguyễn Du xã Xuân Bảo (+300m) đến giáp ranh xã Nhân Nghĩa (đoạn còn lại) | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 12 | Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây                                                                  | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 13 | Đường Suối Lức - Rừng Tre                                                                 | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 14 | Tỉnh lộ 765 đi Cọ Dầu                                                                     | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 15 | Đường Xuân Đường - Thừa Đức                                                               | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 16 | Đường chợ Xuân Bảo - Xuân Tây                                                             | 300   | 200 | 150 | 100 |
| 17 | Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa                                                                 | 300   | 200 | 150 | 100 |
| VI | THỊ XÃ LONG KHÁNH                                                                         |       |     |     |     |
| 1  | Quốc lộ 1                                                                                 |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ ranh huyện Thống Nhất đến giáp đường vào Nhà thờ Cáp Rang                       | 2.000 | 450 | 340 | 220 |
|    | - Đoạn từ ngã ba Tân Phong đến giáp xã Xuân Định                                          | 2.000 | 450 | 340 | 220 |
| 2  | Đường 21 Tháng 4 (QL 1A - đoạn từ đường vào Nhà thờ Cáp Rang đến giáp ngã ba Tân Phong)   |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ đường vào Nhà thờ Cáp Rang đến giáp đường Suối Tre - Bình Lộc                   | 2.000 | 450 | 340 | 220 |
|    | - Đoạn từ đường Suối Tre - Bình Lộc đến giáp phường Xuân Bình                             | 3.000 | 500 | 380 | 250 |
|    | - Đoạn từ giáp phường Phú Bình đến giáp ngã ba Tân Phong                                  | 2.000 | 450 | 340 | 220 |
| 3  | Quốc lộ 56                                                                                |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ ngã tư Tân Phong đến giáp ranh xã Hàng Gòn (Long Khánh)                         | 2.000 | 450 | 340 | 220 |
|    | - Đoạn qua xã Hàng Gòn TX. Long Khánh                                                     | 700   | 220 | 170 | 110 |
| 4  | Duy Tân                                                                                   |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ đường Ngô Quyền đến giáp ngã ba ông Phúc                                        | 1.000 | 400 | 300 | 200 |
|    | - Đoạn còn lại (cách ngã ba ông Phúc hướng Xuân Lộc 300m)                                 | 450   | 200 | 150 | 100 |
| 5  | Lê A (đường Cua Heo - Bình Lộc)                                                           |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ ngã ba Cua Heo đến giáp cầu Bình Lộc                                            | 600   | 260 | 200 | 130 |
|    | - Đoạn từ cầu Bình Lộc đến giáp ngã ba đài tưởng niệm                                     | 450   | 230 | 180 | 120 |
|    | - Đoạn từ ngã ba đài tưởng niệm đến giáp UBND xã Bình Lộc                                 | 300   | 170 | 130 | 80  |
| 6  | Đường từ UBND xã Bình Lộc đến giáp cầu ấp 3 (tiếp theo đường Lê A đến hết)                | 300   | 170 | 130 | 80  |
| 7  | Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)                                                               |       |     |     |     |

|    |                                                                                        |     |     |     |     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|    | - Đoạn từ ngã ba ông Phúc đến giáp Cây xăng Sáu Đông                                   | 600 | 270 | 200 | 130 |
|    | - Đoạn từ Cây xăng Sáu Đông đến giáp Ủy ban xã Bảo Quang                               | 300 | 170 | 130 | 80  |
| 8  | Nguyễn Văn Trỗi (từ giáp nghĩa trang liệt sỹ hướng UBND xã Bàu Sen 02 km)              | 600 | 240 | 180 | 120 |
| 9  | Bàu Sen (tiếp theo đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp UBND xã Bàu Sen)                     | 600 | 240 | 180 | 120 |
| 10 | Số 1 (từ Quốc lộ 1A, ngã ba An Lộc đến giáp đường sắt)                                 | 700 | 250 | 180 | 120 |
| 11 | Điều Xiển (Bàu Trâm 1)                                                                 |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ giáp ranh phường Xuân Thanh đến giáp ngã ba đi miếu Bà                       | 600 | 240 | 180 | 120 |
|    | - Đoạn còn lại (cách ngã ba đi miếu Bà hướng cầu Hòa Bình 800m)                        | 350 | 240 | 180 | 120 |
| 12 | Bàu Trâm 1 (tiếp theo đường Điều Xiển đến giáp ranh xã Xuân Phú)                       |     |     |     |     |
|    | - Đoạn tiếp theo đường Điều Xiển đến giáp ngã ba cầu Hòa Bình                          | 350 | 180 | 140 | 90  |
|    | - Đoạn từ ngã ba cầu Hòa Bình đến giáp xã Xuân Phú                                     | 250 | 160 | 120 | 80  |
| 13 | Bàu Trâm - Xuân Thọ (đoạn từ ngã ba cầu Hòa Bình đến giáp xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc) | 200 | 140 | 100 | 80  |
| 14 | Hàng Gòn - Xuân Quế                                                                    |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Nhà máy Mủ đến giáp ngã ba đi Xuân Quế                                       | 400 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn từ ngã ba đường đi Xuân Quế đến giáp hết xã Hàng Gòn                            | 300 | 160 | 120 | 80  |
| 15 | Bình Lộc - Tín Nghĩa (từ ngã ba đài tưởng niệm đến giáp cầu Ba Cao)                    | 400 | 160 | 120 | 80  |
| 16 | Suối Chồn - Bàu Cối                                                                    |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ khu tái định cư đến giáp ngã ba Suối Chồn                                    | 400 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn từ ngã ba Suối Chồn đến giáp chùa Quảng Hạnh Tự                                 | 350 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn từ chùa Quảng Hạnh Tự đến giáp cơ sở Thủ Mây                                    | 300 | 160 | 120 | 80  |
|    | - Đoạn từ cơ sở Thủ Mây đến giáp xã Xuân Bắc                                           | 200 | 140 | 110 | 80  |
| 17 | Bảo Vinh A đi cầu 4 Thước (tiếp theo đường Duy Tân đến giáp cầu 4 Thước)               | 450 | 200 | 150 | 100 |
| 18 | Suối Tre - Bình Lộc                                                                    |     |     |     |     |
|    | - Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp ngã tư trụ sở nông trường                                | 600 | 260 | 200 | 130 |
|    | - Đoạn từ ngã tư trụ sở nông trường đến giáp xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất           | 400 | 160 | 120 | 80  |
| 19 | Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định)                                             | 600 | 270 | 200 | 130 |



|     |                                                                                              |       |     |     |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
| 20  | Bình Lộc - Cây Da (từ đường Lê A đến giáp ranh huyện Xuân Lộc)                               | 300   | 170 | 130 | 80  |
| 21  | Ngô Quyền (đoạn từ đường Hoàng Diệu đến giáp cầu Đồng Háp)                                   | 600   | 240 | 180 | 120 |
| 22  | Bảo Vinh - Bảo Quang (tiếp theo đường Ngô Quyền đến giáp ngã ba đường 18 Gia Đình - Bàu Cối) | 400   | 170 | 120 | 80  |
| 23  | Xuân Bình - Xuân Lập (từ giáp ranh phường Xuân Bình đến giáp Bưu điện xã Xuân Lập)           | 400   | 180 | 130 | 90  |
| 24  | Xuân Lập - Bàu Sao (từ Bưu điện xã Xuân Lập đến giáp ấp Đồi Rìu, xã Hàng Gòn)                | 250   | 160 | 120 | 80  |
| 25  | Xuân Tân - Hàng Gòn                                                                          |       |     |     |     |
|     | - Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp cầu                                                            | 400   | 180 | 130 | 90  |
|     | - Đoạn từ cầu đến giáp xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ                                             | 300   | 160 | 120 | 80  |
| 26  | Bàu Sen đi Xuân Lập (từ UBND xã Bàu Sen đến giáp đường Xuân Bình - Xuân Lập)                 | 300   | 160 | 120 | 80  |
| 27  | Bình Lộc - Bảo Quang (từ đường Bình Lộc - Cây Da đến giáp huyện Xuân Lộc)                    | 250   | 160 | 120 | 80  |
| 28  | Trần Nhân Tông (đường Bảo Vinh B - Suối Chồn)                                                | 400   | 160 | 120 | 80  |
| 29  | Thành Thái (đường Bảo Vinh B - Ruộng Hời)                                                    | 300   | 160 | 120 | 80  |
| 30  | 18 Gia Đình - Bàu Cối                                                                        |       |     |     |     |
|     | - Đoạn từ UBND xã Bảo Quang đến giáp ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh - Bảo Quang             | 300   | 160 | 120 | 80  |
|     | - Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh - Bảo Quang đến giáp đường Suối Chồn - Bàu Cối     | 250   | 140 | 110 | 80  |
| 31  | Ruộng Tre - Thọ An (từ đường Bảo Vinh B đến giáp ranh huyện Xuân Lộc)                        | 250   | 140 | 110 | 80  |
| 32  | Ruộng Tre - Xuân Bắc (từ UBND xã Bảo Quang giáp ranh xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc)            | 250   | 140 | 110 | 80  |
| 33  | Bảo Quang - Xuân Bắc (từ UBND xã Bảo Quang đến giáp ranh xã Xuân Bắc)                        | 250   | 140 | 110 | 80  |
| 34  | Võ Văn Tần (hẻm 1 đường 21 Tháng 4)                                                          | 500   | 380 | 250 | 100 |
| VII | HUYỆN TRẢNG BOM                                                                              |       |     |     |     |
| 1   | Quốc lộ 1                                                                                    |       |     |     |     |
|     | - Đoạn giáp Biên Hòa đến ngã 3 Trị An                                                        | 4.500 | 900 | 680 | 450 |
|     | - Đoạn từ ngã 3 Trị An đến giáp Nhà thờ Bùi Chu                                              | 3.000 | 840 | 630 | 420 |
|     | - Đoạn từ Nhà thờ Bùi Chu đến UBND xã Bắc Sơn                                                | 2.500 | 720 | 540 | 360 |
|     | - Đoạn từ UBND xã Bắc Sơn đến cầu Suối Đĩa                                                   | 1.500 | 600 | 450 | 300 |
|     | - Đoạn từ Suối Đĩa đến đường vào Khu Du lịch thác Giang Điền                                 | 1.800 | 600 | 450 | 300 |
|     | - Đoạn từ đường vào Khu Du lịch thác Giang Điền đến giáp xã Quảng Tiến                       | 2.100 | 600 | 450 | 300 |
|     | Đường QL 1A (thuộc xã Quảng Tiến)                                                            | 2.000 | 600 | 450 | 300 |



|    |                                                                                                                           |       |     |     |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | - Đoạn từ giáp thị trấn Trảng Bom đến Nhà thờ Lộc Hòa                                                                     | 1.800 | 600 | 450 | 300 |
|    | - Đoạn Nhà thờ Lộc Hòa đến Hạt Quản lý đường bộ (ranh giới xã Trung Hòa và Tây Hòa)                                       | 1.200 | 600 | 450 | 300 |
|    | Đoạn từ Hạt Quản lý đường bộ (ranh giới xã Trung Hòa và Tây Hòa) đến UBND xã Trung Hòa                                    | 1.200 | 600 | 450 | 300 |
|    | - Đoạn từ UBND xã Trung Hòa đến giáp xã Đông Hòa                                                                          | 1.600 | 600 | 450 | 300 |
|    | - Đoạn từ giáp Trung Hòa đến cổng chính 2 ấp                                                                              | 2.000 | 600 | 450 | 300 |
|    | - Đoạn từ cổng chính đi vào nhà thờ 2 ấp Quảng Đà, Hòa Bình đến đường liên xã Hưng Long - Lộ 25                           | 1.600 | 600 | 450 | 300 |
|    | Quốc lộ 1 (đoạn từ Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc và đường liên xã Hưng Long - Lộ 25 đến giáp ranh xã Hưng Lộc | 1.200 | 540 | 400 | 270 |
|    | Xã Hố Nai 3                                                                                                               |       |     |     |     |
| 2  | Đường vào Trường dạy Nghề Hố Nai 3                                                                                        |       |     |     |     |
|    | - Đoạn 300m đầu                                                                                                           | 2.000 | 600 | 450 | 300 |
|    | - Đoạn trong                                                                                                              | 1.200 | 600 | 450 | 300 |
| 3  | Đường vào Khu công nghiệp Hố Nai                                                                                          | 2.200 | 600 | 450 | 300 |
| 4  | Đường vào Trại heo Yên Thế từ Quốc lộ 1 đến đường ray xe lửa                                                              | 1.800 | 400 | 300 | 200 |
| 5  | Đường vào Cty cám (TAGS) Thanh Bình                                                                                       | 1.100 | 600 | 450 | 300 |
| 6  | Đường hông Giáo xứ Sài Quất (400m)                                                                                        | 900   | 600 | 450 | 300 |
| 7  | Đường Ngô Xá                                                                                                              | 900   | 600 | 450 | 300 |
| 8  | Đường vào đập Thanh Niên                                                                                                  | 900   | 600 | 450 | 300 |
| 9  | Đường vào Cụm công nghiệp gạch ngói                                                                                       | 1.200 | 450 | 300 | 200 |
| 10 | Đường Đông Hải - Lộ Đức                                                                                                   | 900   | 400 | 300 | 200 |
|    | Xã Bắc Sơn                                                                                                                |       |     |     |     |
| 11 | Tỉnh lộ 767                                                                                                               |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ ngã 3 Trị An đến Cty Việt Vinh                                                                                  | 4.000 | 900 | 670 | 450 |
|    | - Đoạn từ Công ty Việt Vinh đến ngã 3 Hươu Nai                                                                            | 2.000 | 640 | 480 | 320 |
|    | - Đoạn từ ngã 3 Hươu Nai đến cầu Sông Thao                                                                                | 1.000 | 400 | 300 | 200 |
| 12 | Đường vào Trại heo Phú Sơn - đi Long Thành                                                                                |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 1A đến đường sắt                                                                                             | 1.300 | 480 | 360 | 240 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                                                            | 900   | 450 | 340 | 220 |
|    | Xã Bình Minh                                                                                                              |       |     |     |     |
| 13 | Đường vào Khu Du lịch Thác Giang Điền (đường Trà Cỏ - Giang Điền)                                                         |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL1 đến đường sắt                                                                                               | 1.800 | 400 | 300 | 200 |
|    | - Đoạn từ đường sắt đến giáp xã Giang Điền                                                                                | 1.200 | 360 | 270 | 180 |

|    |                                                                                                                     |       |       |     |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-----|-----|
| 14 | Đường vào Khu Du lịch Thác Giang Điền (đường Bình Minh - Giang Điền), đoạn từ Quốc lộ 1 đến ranh giới xã Giang Điền | 1.200 | 500   | 370 | 250 |
|    | Xã Giang Điền                                                                                                       |       |       |     |     |
| 15 | Đường vào Khu Du lịch Thác Giang Điền (đường Bình Minh - Giang Điền)                                                |       |       |     |     |
|    | Đường ranh giới xã Bình Minh và Quảng Tiến đến cầu Sông Buông                                                       | 1.000 | 480   | 360 | 240 |
|    | - Đoạn Nam Sông Buông (cổng khu du lịch đến ranh giới xã An Viễn)                                                   | 850   | 300   | 220 | 150 |
|    | Xã Quảng Tiến                                                                                                       |       |       |     |     |
| 16 | Đường 3/2 nối dài từ giáp thị trấn Trảng Bom đến đường vào Khu Du lịch Giang Điền                                   |       |       |     |     |
|    | - Đoạn giáp thị trấn đến đường vào UBND xã Quảng Tiến                                                               | 1.500 | 600   | 450 | 300 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                                                      | 1.200 | 420   | 310 | 210 |
| 17 | Đường Trần Phú (giáp ranh thị trấn Trảng Bom)                                                                       |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 1A đến đường 3/2                                                                                       | 2.200 | 1.100 | 840 | 600 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                                                      | 1.500 | 900   | 700 | 500 |
|    | Xã Đồi 61                                                                                                           |       |       |     |     |
| 18 | Đường Trảng Bom - An Viễn                                                                                           |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ đường nhựa giáp ranh TT. Trảng Bom đến đường sắt                                                          | 900   | 300   | 230 | 150 |
|    | - Đoạn từ đường sắt đến giáp xã An Viễn                                                                             | 600   | 300   | 220 | 150 |
|    | + Trong đó: Đoạn từ UBND xã ra mỗi bên 500m                                                                         | 800   | 310   | 230 | 160 |
| 19 | Đường nhựa từ đường Lê Duẩn đến đường Trảng Bom - An Viễn                                                           | 700   | 310   | 230 | 160 |
|    | Xã An Viễn                                                                                                          |       |       |     |     |
| 20 | Đường Trảng Bom - An Viễn                                                                                           |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ giáp xã Đồi 61 đến Trường Trịnh Hoài Đức                                                                  | 600   | 300   | 220 | 150 |
|    | - Đoạn từ Trường Trịnh Hoài Đức đến đường Bình Minh - Giang Điền                                                    | 700   | 360   | 270 | 180 |
| 21 | Đường vào Khu công nghiệp Giang Điền (từ Trảng Bom An - Viễn đến giáp ranh xã Giang Điền)                           | 700   | 360   | 270 | 180 |
|    | Xã Hưng Thịnh                                                                                                       |       |       |     |     |
| 22 | Đường Sông Thao - Bàu Hàm                                                                                           |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ QL1 đến cầu số 1 (từ 500m đầu gần Quốc lộ 1)                                                              | 800   | 350   | 260 | 180 |
|    | - Đoạn từ cầu số 1 đến giáp xã Sông Thao (từ 200m đến giáp xã Sông Thao)                                            | 500   | 300   | 230 | 150 |
| 23 | Đường 20 (Hưng Long - Lộ 25)                                                                                        |       |       |     |     |
|    | - Đoạn từ QL1 đến đường ray xe lửa                                                                                  | 1.000 | 360   | 270 | 180 |

|      |                                                                                 |       |     |     |     |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|      | - Đoạn còn lại                                                                  | 500   | 300 | 230 | 150 |
| 24   | Đường Hưng Bình                                                                 | 500   | 300 | 230 | 150 |
| 25   | Đường 15 (QL1 - đường sắt)                                                      | 800   | 350 | 260 | 180 |
|      | Xã Sông Trầu                                                                    |       |     |     |     |
| 26   | Đường Nguyễn Hoàng nối dài                                                      |       |     |     |     |
|      | - Đoạn Trảng Bom - cầu số 6                                                     | 800   | 360 | 270 | 180 |
|      | - Đoạn cầu số 6 - giáp xã Cây Gáo                                               | 800   | 340 | 250 | 170 |
|      | Xã Cây Gáo                                                                      |       |     |     |     |
| 27   | Đường Trảng Bom - Cây Gáo                                                       |       |     |     |     |
|      | - Đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng 0,5 km                                 | 700   | 360 | 270 | 180 |
|      | - Đoạn còn lại                                                                  | 450   | 300 | 220 | 150 |
|      | Xã Thanh Bình                                                                   |       |     |     |     |
| 28   | Đường Trảng Bom - Thanh Bình                                                    |       |     |     |     |
|      | - Từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng 0,5 km                                      | 700   | 360 | 270 | 180 |
|      | - Đoạn còn lại                                                                  | 450   | 300 | 220 | 150 |
| 29   | Hương lộ 24 (07 km)                                                             | 350   | 220 | 170 | 110 |
| 30   | Tỉnh lộ 762 (Trị An - Sóc Lu)                                                   |       |     |     |     |
|      | - Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng 0,5 km: H. Vĩnh Cửu; H. Thống Nhất | 700   | 280 | 210 | 140 |
|      | - Đoạn còn lại                                                                  | 450   | 280 | 210 | 140 |
|      | Xã Sông Thao                                                                    |       |     |     |     |
| 31   | Đường Sông Thao - Bàu Hàm                                                       | 400   | 260 | 190 | 130 |
| 32   | Cầu Hai đến giáp xã Bàu Hàm (Hưng Thịnh - Cầu Hai)                              | 400   | 260 | 190 | 130 |
| 33   | Tỉnh lộ 762 (Trị An - Sóc Lu)                                                   | 450   | 280 | 210 | 140 |
|      | Xã Bàu Hàm                                                                      |       |     |     |     |
| 34   | Đường Sông Thao - Bàu Hàm (đoạn qua xã Bàu Hàm)                                 | 400   | 260 | 190 | 130 |
| 35   | Tỉnh lộ 762 (Trị An - Sóc Lu)                                                   | 450   | 280 | 210 | 140 |
| VIII | HUYỆN THỐNG NHẤT                                                                |       |     |     |     |
| 1    | Đường Quốc lộ 1A                                                                |       |     |     |     |
|      | Đoạn từ giáp ranh giới huyện Trảng Bom đến giáp trụ sở UBND xã Hưng Lộc         | 1.100 | 400 | 300 | 200 |
|      | Đoạn từ trụ sở UBND xã Hưng Lộc đến giáp ngã ba ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2      | 1.400 | 450 | 340 | 220 |
|      | Đoạn đường từ ngã 3 ấp Ngô Quyền đến giáp ngã tư Dầu Giây                       | 1.900 | 440 | 330 | 220 |
|      | Đoạn đường từ ngã tư Dầu Giây đến giáp lô cao su đường vào ấp Lập Thành         | 1.900 | 440 | 330 | 220 |
|      | Đoạn ven Quốc lộ 1A thuộc ấp Trần Hưng Đạo                                      | 1.600 | 410 | 310 | 200 |
| 2    | Đường Quốc lộ 20                                                                |       |     |     |     |

|    |                                                                                           |       |     |     |     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT                                 | 1.800 | 460 | 350 | 230 |
|    | Đoạn từ Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT đến giáp cầu Gia Đức                                | 1.400 | 450 | 340 | 220 |
|    | Đoạn từ cầu Gia Đức đến giáp ngã ba đường vào Nông trường Cao su Bình Lộc                 | 1.400 | 450 | 340 | 220 |
|    | Đoạn từ ngã ba đường vào Nông trường Cao su Bình Lộc đến giáp ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn | 2.100 | 480 | 360 | 240 |
|    | Đoạn từ ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn đến giáp trụ sở Ủy ban xã Gia Tân 2                   | 2.500 | 480 | 360 | 240 |
|    | Đoạn từ trụ sở UBND xã Gia Tân 2 đến giáp ranh huyện Định Quán                            | 1.500 | 480 | 360 | 240 |
| 3  | Đường 769                                                                                 |       |     |     |     |
|    | Từ Quốc lộ 1A đến đường sắt xe lửa                                                        | 1.400 | 450 | 340 | 220 |
|    | Đoạn còn lại qua xã Xuân Thạnh                                                            | 1.300 | 400 | 300 | 200 |
|    | Đoạn còn lại qua xã Bàu Hàm 2                                                             | 1.100 | 400 | 300 | 200 |
|    | Đoạn qua xã Lộ 25                                                                         | 900   | 400 | 300 | 200 |
|    | + Trong đó: Đoạn qua trụ sở UBND xã và chợ Lộ 25 tính ra mỗi bên 100m                     | 1.000 | 400 | 300 | 200 |
| 4  | Đường 762 (Trị An - Sóc Lu)                                                               |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Gia Kiệm                                                                      | 450   | 230 | 180 | 120 |
|    | Đoạn qua xã Quang Trung                                                                   | 650   | 260 | 200 | 130 |
| 5  | Đoạn đường chéo từ Quốc lộ 1A cắt ngang Quốc lộ 20                                        | 1.800 | 450 | 330 | 220 |
| 6  | Đường ấp Xuân Thiện đoạn từ cây xăng đến Trường THCS Bình Lộc                             | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 7  | Đường Vườn Xoài (đường ông Hùng cũ)                                                       | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 8  | Đường Đức Huy Thanh Bình                                                                  |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 đến giáp ranh xã Gia Tân 2                                             | 800   | 320 | 240 | 160 |
|    | Đoạn còn lại                                                                              | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 9  | Đường Chu Văn An - Định Quán                                                              |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 1.000m                                                             | 800   | 320 | 240 | 160 |
|    | Đoạn còn lại                                                                              | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 10 | Đường Hưng Nghĩa - Chợ ấp 5 xã Lộ 25                                                      |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 1 vào 500m                                                                | 600   | 290 | 220 | 140 |
|    | Đoạn còn lại                                                                              | 300   | 170 | 130 | 80  |
| 11 | Đường Tây Kim - Thanh Bình                                                                |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 1.000m                                                             | 800   | 320 | 240 | 160 |
|    | Đoạn còn lại                                                                              | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 12 | Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm                                                                |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m                                                               | 500   | 180 | 140 | 90  |
|    | Đoạn còn lại                                                                              | 300   | 160 | 120 | 80  |

|    |                                                                               |       |     |     |     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
| 13 | Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện                                                    |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Km 1+500 đến Km 2+500                                                 | 600   | 240 | 180 | 120 |
|    | Đoạn từ UBND xã ra 500m                                                       | 700   | 240 | 180 | 120 |
|    | Các đoạn còn lại                                                              | 500   | 180 | 140 | 90  |
| 14 | Đường Võ Đồng 3 - Sóc Lu                                                      |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m                                                   | 700   | 250 | 190 | 130 |
|    | Đoạn còn lại                                                                  | 300   | 190 | 140 | 100 |
| 15 | Đường Đông Kim - Xuân Thiện                                                   |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m                                                   | 800   | 320 | 240 | 160 |
|    | Đoạn còn lại                                                                  | 500   | 220 | 170 | 110 |
| 16 | Đường Võ Đồng - Lạc Sơn                                                       |       |     |     |     |
|    | - Đoạn từ QL 20 vào 500m                                                      | 800   | 320 | 240 | 160 |
|    | - Đoạn còn lại                                                                | 500   | 220 | 170 | 120 |
| IX | HUYỆN VĨNH CỬU                                                                |       |     |     |     |
| 1  | Tỉnh lộ 768                                                                   |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ giáp ranh TP. Biên Hòa (cầu Rạch Gốc) đến cổng đình ấp 3 xã Thạnh Phú | 2.800 | 800 | 550 | 370 |
|    | Đoạn từ cổng đình ấp 3 xã Thạnh Phú đến cổng Nghĩa trang Liệt sỹ huyện        | 3.000 | 900 | 560 | 370 |
|    | Đoạn từ cổng Nghĩa trang Liệt sỹ huyện đến cầu ông Hường                      | 2.000 | 700 | 500 | 330 |
|    | Đoạn từ cầu ông Hường đến đường Đoàn Văn Cự                                   | 1.500 | 700 | 500 | 330 |
|    | Đoạn từ đường Đoàn Văn Cự đến giáp cầu Thủ Biên                               | 2.000 | 700 | 500 | 330 |
|    | Đoạn từ cầu Thủ Biên đến cầu Chùm Bao                                         | 1.500 | 700 | 500 | 330 |
|    | Đoạn từ cầu Chùm Bao đến chân dốc lớn (cổng thoát nước) xã Trị An             | 750   | 400 | 300 | 200 |
|    | Đoạn từ chân dốc lớn xã Trị An đến giáp thị trấn Vĩnh An                      | 500   | 340 | 260 | 170 |
| 2  | Tỉnh lộ 767                                                                   |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ giáp huyện Trảng Bom đến cầu suối Đá Bàn                              | 900   | 400 | 300 | 200 |
|    | Từ suối Đá Bàn đến giáp thị trấn Vĩnh An                                      | 1.100 | 400 | 300 | 200 |
| 3  | Tỉnh lộ 761                                                                   |       |     |     |     |
|    | Xã Mã Đà                                                                      |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ cầu Cứng (cầu Đồng Nai) đến cầu Chiến khu Đ                           | 250   | 120 | 90  | 60  |
|    | Đoạn từ cầu Chiến khu Đ đến đường vào UBND xã Mã Đà                           | 300   | 120 | 90  | 60  |
|    | Đoạn từ UBND xã Mã Đà đến ngã ba rẽ đi Phú Lý                                 | 350   | 130 | 90  | 60  |
|    | Đoạn từ ngã ba xã Mã Đà rẽ đi Phú Lý (Km 0) đến Km 5                          | 300   | 120 | 90  | 60  |
|    | Xã Phú Lý                                                                     |       |     |     |     |

|    |                                                                                                                            |       |     |     |     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | Đoạn từ giáp ranh xã Mã Đà đến cầu suối Kóp                                                                                | 250   | 120 | 90  | 60  |
|    | Đoạn từ cầu suối Kóp đến hết chợ Phú Lý                                                                                    | 350   | 200 | 90  | 60  |
|    | Đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm văn hóa xã                                                                               | 250   | 150 | 90  | 60  |
|    | Đoạn từ Trung tâm văn hóa đến ngã ba đường 322A                                                                            | 200   | 120 | 90  | 60  |
| 4  | Đường Đồng Khởi                                                                                                            |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ ranh TP. Biên Hòa đến giáp KCN Thanh Phú                                                                           | 2.800 | 900 | 540 | 360 |
|    | Đoạn từ giáp KCN Thanh Phú đến đường 768                                                                                   | 3.100 | 900 | 520 | 350 |
| 5  | Đường ĐT Hiếu Liêm (xã Hiếu Liêm)                                                                                          | 400   | 160 | 120 | 80  |
| 6  | Đường Vĩnh Tân - Tân An                                                                                                    | 500   | 200 | 150 | 100 |
| 7  | Đường Cộ cây Xoài                                                                                                          |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Tân An                                                                                                         | 750   | 350 | 260 | 170 |
|    | Đoạn qua xã Vĩnh Tân                                                                                                       | 500   | 200 | 150 | 100 |
| 8  | Hương lộ 6 (xã Thanh Phú)                                                                                                  | 950   | 600 | 340 | 220 |
| 9  | Hương lộ 15                                                                                                                |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Tỉnh lộ 768 đến ngã ba Hương lộ 6                                                                                  | 1.500 | 850 | 450 | 300 |
|    | Đoạn từ ngã ba Hương lộ 6 đến ranh xã Bình Lợi và Thanh Phú                                                                | 1.000 | 600 | 340 | 220 |
|    | Đoạn từ ranh giới xã Bình Lợi và Thanh Phú đến đầu ấp 3                                                                    | 600   | 350 | 260 | 180 |
|    | Đoạn từ đầu ấp 3 đến Trường Mầm non ấp 3                                                                                   | 800   | 450 | 340 | 220 |
|    | Đoạn còn lại                                                                                                               | 600   | 350 | 260 | 180 |
| 10 | Đường Bình Lục - Long Phú: Từ ngã ba Hương lộ 7 (xã Tân Bình) đến giáp Hương lộ 7 (đường vào Bến đò Lợi Hòa - xã Bình Lợi) | 600   | 410 | 310 | 200 |
| 11 | Đường Hương lộ 9                                                                                                           |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Tỉnh lộ 768 (ngã tư Bến Cá) đến hết Km+200                                                                         | 800   | 410 | 310 | 200 |
|    | Đoạn còn lại                                                                                                               | 600   | 350 | 250 | 150 |
| 12 | Đường Thành Đức - Tân Triều (xã Tân Bình)                                                                                  | 600   | 350 | 250 | 150 |
| 13 | Đường Hương lộ 7                                                                                                           |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ đường 768 (ngã 4 Bến cá) đến ranh giới xã Bình Lợi                                                                 | 800   | 350 | 250 | 150 |
|    | Đoạn qua xã Bình Lợi                                                                                                       | 600   | 350 | 250 | 150 |
| 14 | Đường Bình Hòa - cây Dương (xã Bình Hòa)                                                                                   |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ UBND xã đến ngã ba vào Nhà máy Xi măng Bửu Long                                                                    | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
|    | Đoạn từ ngã ba Cây Dương đến miếu Hàm Hòa                                                                                  | 650   | 350 | 250 | 150 |
|    | Đoạn còn lại                                                                                                               | 550   | 350 | 250 | 150 |
| 15 | Đường Đoàn Văn Cự (đường NM nước Thiện Tân, từ giáp TP. Biên Hòa đến đường 768                                             | 1.500 | 700 | 500 | 330 |
| 16 | Đường 322A (xã Phú Lý)                                                                                                     | 220   | 120 | 90  | 60  |

|    |                                                                                |       |     |     |     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
| 17 | Đường 322B (xã Phú Lý)                                                         | 180   | 110 | 90  | 60  |
| 18 | Đường ấp 3 (xã Tân An)                                                         | 700   | 500 | 330 | 170 |
| 19 | Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp                                                      | 600   | 200 | 150 | 100 |
| 20 | Đường chùa Cao Đài (phía sau UBND xã Thạnh Phú - nối đường 768 và Hương lộ 15) | 1.500 | 800 | 450 | 300 |
| 21 | Đường Tân Hiền                                                                 | 700   | 500 | 330 | 220 |
| 22 | Đường Long Chiến (xã Bình Lợi)                                                 | 850   | 450 | 340 | 220 |
| 23 | Đường Xóm Rạch (xã Bình Lợi)                                                   | 850   | 450 | 340 | 220 |
| 24 | Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân)                                                    | 850   | 450 | 340 | 220 |
| 25 | Đường Bến Be (xã Trị An)                                                       | 500   | 400 | 300 | 200 |
| 26 | Đường Bến Vĩnh A (xã Trị An)                                                   | 500   | 400 | 300 | 200 |
| 27 | Đường Bến Vĩnh B (xã Trị An)                                                   | 500   | 400 | 300 | 200 |
| 28 | Đường Hàng Ba Cửa (xã Trị An)                                                  | 350   | 300 | 250 | 200 |
| X  | HUYỆN NHƠN TRẠCH                                                               |       |     |     |     |
| 1  | Đường số 1 (đoạn qua xã Vĩnh Thanh, Long Tân, Phước An)                        | 1.000 | 560 | 420 | 280 |
| 2  | Đường số 2                                                                     |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Long Tân, Phú Hội, Phú Thạnh                                       | 1.300 | 570 | 430 | 290 |
|    | Đoạn qua xã Vĩnh Thanh                                                         | 1.100 | 560 | 420 | 280 |
| 3  | Đường 25B                                                                      |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước                                                         | 2.100 | 760 | 570 | 380 |
|    | Đoạn qua xã Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội, Phú Thạnh                          | 1.700 | 760 | 570 | 380 |
| 4  | Hương lộ 19                                                                    |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước từ ngã 3 Phước Thiện đến đình ấp 3                      | 1.800 | 900 | 680 | 450 |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước từ đình ấp 3 đến cầu MẠCH Bà                            | 2.000 | 900 | 680 | 450 |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước từ cầu MẠCH Bà đến giáp xã Long Thọ                     | 1.700 | 800 | 600 | 400 |
|    | Đoạn qua xã Long Thọ, Phước An                                                 | 1.450 | 800 | 600 | 400 |
|    | Đoạn qua xã Vĩnh Thanh, Phú Đông                                               | 1.200 | 670 | 500 | 340 |
|    | Đoạn qua xã Đại Phước                                                          | 1.700 | 800 | 600 | 400 |
| 5  | Tỉnh lộ 769 (25A)                                                              |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Phước Thiện                                                        | 1.500 | 760 | 570 | 380 |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước                                                         | 1.500 | 760 | 570 | 380 |
|    | Đoạn qua xã Long Tân, Phú Hội, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh                           | 1.100 | 660 | 500 | 330 |
|    | Đoạn qua xã Đại Phước từ giáp thành Tuy Hạ đến đường vào cổng Phước Lý         | 1.600 | 800 | 600 | 400 |



|    |                                                                                                                                                            |       |     |     |     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | Đoạn qua xã Đại Phước từ đường vào cổng Phước Lý đến giáp ấp Bến Cộ                                                                                        | 1.100 | 660 | 500 | 330 |
|    | Đoạn qua xã Đại Phước từ ấp Bến Cộ đến giáp xã Phú Hữu                                                                                                     | 1.200 | 680 | 520 | 350 |
|    | Đoạn qua xã Phú Hữu                                                                                                                                        | 1.600 | 800 | 600 | 400 |
|    | Đoạn qua xã Phú Đông                                                                                                                                       | 1.400 | 800 | 600 | 400 |
| 6  | Đường dốc 30 (Phú Đông)                                                                                                                                    | 1.000 | 570 | 430 | 280 |
| 7  | Đường vào UBND xã Phước Khánh                                                                                                                              |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ HL 19 đến giáp đường Đê ông Kèo                                                                                                                    | 1.200 | 670 | 504 | 340 |
|    | Đoạn từ ngã tư đường Đê ông Kèo đến chân cầu chợ Phước Khánh                                                                                               | 1.800 | 670 | 504 | 340 |
| 8  | Đường 319B                                                                                                                                                 |       |     |     |     |
|    | Đoạn qua xã Phước Thiện                                                                                                                                    | 2.200 | 850 | 650 | 420 |
|    | Đoạn qua xã Hiệp Phước, Long Thọ                                                                                                                           | 1.100 | 530 | 400 | 260 |
|    | Đoạn qua xã Phước An                                                                                                                                       | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
| 9  | Đường Cây Dầu                                                                                                                                              | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
| 10 | Đường vào UBND xã Phú Đông                                                                                                                                 | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
| 11 | Đường xã Long Tân (đường Độn)                                                                                                                              | 900   | 440 | 330 | 220 |
| 12 | Đường Chấn nước                                                                                                                                            | 950   | 490 | 370 | 250 |
| 13 | Đường Hương lộ 12                                                                                                                                          | 900   | 430 | 320 | 220 |
| 14 | Đường Đê ông Kèo (đoạn qua xã Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông)                                                                                  | 720   | 490 | 370 | 240 |
| 15 | Đường Giồng ông Đông                                                                                                                                       | 850   | 410 | 310 | 200 |
| 16 | Đường ấp 3 xã Phước Khánh                                                                                                                                  | 700   | 390 | 290 | 200 |
| 17 | Đường 25C                                                                                                                                                  | 1.400 | 560 | 420 | 280 |
| 18 | Đường xã Long Tân (đường Miếu)                                                                                                                             | 900   | 440 | 330 | 220 |
| 19 | Đường từ đường 319B đến Hương lộ 19 qua xã Phước An (lộ giới 47m, trái nhựa, mới mở đã đưa vào sử dụng tương đương đường 319B qua xã Hiệp Phước, Long Thọ) | 1.200 | 580 | 440 | 290 |
| XI | HUYỆN LONG THÀNH                                                                                                                                           |       |     |     |     |
| 1  | Quốc lộ 51                                                                                                                                                 |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ ngã 3 đường vào Trường Sĩ quan Lục quân 2 đến Trường Quân Khuyển (qua xã An Phước)                                                                 | 2.100 | 720 | 540 | 360 |
|    | Đoạn từ Trường Quân Khuyển đến ranh giới xã An Phước và Long Đức                                                                                           | 1.500 | 680 | 510 | 340 |
|    | Đoạn từ ranh giới xã Long Đức và An Phước đến Mũi Tàu                                                                                                      | 1.500 | 680 | 510 | 340 |
|    | Quốc lộ 51 A qua xã An Phước (từ Mũi Tàu đến giáp thị trấn Long Thành)                                                                                     | 2.500 | 700 | 530 | 350 |

|   |                                                                       |       |     |     |     |
|---|-----------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|   | Quốc lộ 51B qua xã Long Đức (từ Mũi Tàu đến giáp thị trấn Long Thành) | 1.800 | 680 | 510 | 340 |
|   | Quốc lộ 51B qua xã Lộc An                                             | 1.200 | 670 | 500 | 340 |
|   | Đoạn giáp thị trấn Long Thành đến ngã ba đường vào An Lâm             | 1.800 | 680 | 510 | 340 |
|   | Đoạn từ ngã ba đường vào An Lâm đến giáp xã Long Phước                | 1.200 | 600 | 450 | 300 |
|   | Đoạn từ giáp xã Long An đến cầu suối Cả                               | 900   | 580 | 430 | 290 |
|   | Đoạn từ cầu suối Cả đến giáp UBND xã Long Phước                       | 1.100 | 600 | 450 | 300 |
|   | Đoạn từ UBND xã Long Phước đến Trường cấp 2 Long Phước                | 1.500 | 600 | 450 | 300 |
|   | Đoạn từ Trường cấp 2 Long Phước đến ranh xã Phước Thái - Long Phước   | 1.100 | 600 | 450 | 300 |
|   | Đoạn từ ranh xã Phước Thái - Long Phước đến cầu Thái Thiện            | 1.500 | 600 | 450 | 300 |
|   | Đoạn từ cầu Thái Thiện đến giáp huyện Tân Thành                       | 1.650 | 590 | 450 | 300 |
| 2 | Hương lộ 2 đoạn qua xã Tam An                                         | 400   | 270 | 200 | 140 |
| 3 | Đường ngã 3 Thái Lan vào Trường SQLQ2                                 |       |     |     |     |
|   | Đoạn từ Quốc lộ 51 đến giáp Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường  | 1.700 | 720 | 540 | 360 |
|   | Đoạn từ Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường đến ngã ba Lôi Hồ    | 1.700 | 720 | 540 | 360 |
|   | Đoạn từ ngã ba Lôi Hồ đến cách ngã 3 Dân Chủ 500m                     | 1.700 | 720 | 540 | 360 |
|   | Đoạn từ cách ngã ba Dân Chủ 500m đến Thiết Giáp                       | 3.200 | 720 | 540 | 360 |
| 4 | Hương lộ 21                                                           |       |     |     |     |
|   | Đoạn qua xã An Phước                                                  | 1.000 | 520 | 390 | 260 |
|   | Đoạn qua xã Tam An                                                    | 900   | 500 | 380 | 250 |
| 5 | Tỉnh lộ 769                                                           |       |     |     |     |
|   | Đoạn qua xã Lộc An                                                    | 1.200 | 640 | 480 | 320 |
|   | Đoạn qua xã Bình Sơn                                                  | 1.350 | 640 | 480 | 320 |
|   | Đoạn qua xã Bình An (từ Khu dân cư An Viễn đến giáp UBND xã)          | 700   | 390 | 290 | 200 |
|   | Đoạn qua xã Bình An (từ UBND xã đến cầu An Viễn)                      | 850   | 410 | 310 | 200 |
|   | Đoạn qua xã Bình An (từ cầu An Viễn đến hết đường nhựa)               | 700   | 390 | 290 | 200 |
|   | Đoạn qua xã Bình An (từ hết đường nhựa đến cầu Các Hảo)               | 900   | 400 | 300 | 200 |
| 6 | Hương lộ 10                                                           |       |     |     |     |
|   | Đoạn qua xã Bình Sơn                                                  | 500   | 280 | 210 | 140 |
|   | Đoạn qua xã Suối Trầu                                                 | 600   | 290 | 220 | 140 |

|    |                                                                                                         |       |     |     |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|-----|
|    | Đoạn qua xã Cẩm Đường (từ giáp ranh xã Suối Trầu đến cách UBND xã 01 km)                                | 600   | 290 | 220 | 140 |
|    | Đoạn qua xã Cẩm Đường (từ cách UBND xã 01 km đến ngã ba suối Quýt)                                      | 800   | 290 | 220 | 140 |
| 7  | Đường 25 B (qua xã Long An)                                                                             | 1.500 | 600 | 450 | 300 |
| 8  | Đường vào KCN Bình Sơn                                                                                  | 1.100 | 600 | 450 | 300 |
| 9  | Đường khu 12 xã Long Đức (từ ngã tư giáp ranh thị trấn Long Thành đến ngã tư khu nhà tình nghĩa)        | 2.100 | 590 | 440 | 290 |
| 10 | Hương lộ 12 (bà Ký, từ Quốc lộ 51 đến giáp huyện Nhơn Trạch)                                            | 900   | 360 | 270 | 180 |
| 11 | Đường vào UBND xã Phước Bình                                                                            |       |     |     |     |
|    | Đoạn từ Quốc lộ 51 đến cầu Vạc                                                                          | 1.000 | 500 | 380 | 250 |
|    | Đoạn từ cầu Vạc đến hết ranh xã Phước Bình                                                              | 800   | 400 | 300 | 200 |
| 12 | Đường vào UBND xã Bàu Cạn                                                                               | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
| 13 | Đường vào UBND xã Tân Hiệp                                                                              | 1.000 | 480 | 360 | 240 |
| 14 | Đường nhựa xã Phước Bình giáp huyện Tân Thành                                                           | 1.050 | 390 | 300 | 200 |
| 15 | Đường lò gôm từ QL 51A đến Quốc lộ 51B thuộc xã Long Đức                                                | 1.200 | 400 | 300 | 200 |
| 16 | Đường từ QL 51A vào Trường Giáo dưỡng An Phước                                                          | 1.200 | 400 | 300 | 200 |
| 17 | Đường vào khu tình nghĩa thuộc nông trường xã Long Đức                                                  | 1.200 | 400 | 300 | 200 |
| 18 | Đường An Lâm qua xã Long An (từ QL 51 đến Tỉnh lộ 769)                                                  | 900   | 400 | 300 | 200 |
| 19 | Đường liên xã An Phước - thị trấn Long Thành (từ ngã ba Phước Nguyên tới giáp ranh thị trấn Long Thành) | 1.000 | 650 | 450 | 300 |
| 20 | Đường liên xã Lộc An - thị trấn Long Thành (từ giáp thị trấn qua chùa Liên Trì đến Tỉnh Lộ 769)         | 800   | 400 | 300 | 200 |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ao Văn Thịnh**